

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BL**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 73/2023/DS-ST
Ngày: 18/9/2023
(V/v: Tranh chấp hợp Đ vay tài sản)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BL

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Văn An

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Võ Tuyết Kha

2/. Ông Trần Văn Phước

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bé – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 164/2023/TLST- DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp Đ vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 180/2023/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1/.Nguyên đơn: Ông LTV, sinh ngày 12/3/1969.

Địa chỉ: Ấp PT 1, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh BL.

2/.Bị đơn: Ông TTL (Tur K), sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp NO, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh BL.

3/.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/.Bà NTN, sinh ngày 01/8/1978.

Địa chỉ: Ấp PT 1, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh BL.

3.2/.Bà HTT (Đ), sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp NO, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh BL.

(Ông V, bà N có mặt; Ông L, bà T vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2023, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay ông LTV trình bày: Trước đây, do có nhu cầu vay tiền nên từ ngày 01/8/2021 đến ngày 28/3/2022 (âm lịch), ông TTL có hỏi vay của ông tổng số tiền 100.000.000 Đ gồm 04 lần cụ thể như sau:

+ Lần 1: Vào ngày 01/8/2021 (âm lịch), ông L hỏi vay của ông số tiền là 50.000.000 Đ. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng và có thỏa thuận khi nào cần số tiền trên thì ông sẽ thông báo cho ông L biết trước một thời gian nhất định để chuẩn bị trả nợ cho ông.

+ Lần 2: Vào ngày 09/01/2022 (âm lịch), do không có tiền trả ông nên ông L tiếp tục hỏi vay của ông số tiền là 20.000.000 Đ. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng và có thỏa thuận khi nào cần số tiền trên thì ông sẽ thông báo cho ông L biết trước một thời gian nhất định để chuẩn bị trả nợ cho ông.

+ Lần 3: Vào ngày 06/02/2022 (âm lịch), ông L tiếp tục hỏi vay của ông số tiền là 20.000.000 Đ. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng và có thỏa thuận khi nào cần số tiền trên thì ông sẽ thông báo cho ông L biết trước một thời gian nhất định để chuẩn bị trả nợ cho ông.

+ Lần 4: Vào ngày 28/3/2022 (âm lịch), ông L hỏi vay của ông số tiền là 10.000.000 Đ. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng và có thỏa thuận khi nào cần số tiền trên thì ông sẽ thông báo cho ông L biết trước một thời gian nhất định để chuẩn bị trả nợ cho ông.

Trong tất cả các lần giao dịch vay tiền của ông thì ông L đều có viết biên nhận nợ với ông. Tính đến nay, ông L còn nợ ông tổng số tiền là 100.000.000 Đ. Mặc dù, ông đã rất nhiều lần đến để nhắc số tiền nợ trên đối với ông L nhưng ông L cố tình né tránh mặt ông và không có thiện chí để trả nợ cho ông nên nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông L và T cùng có nghĩa vụ trả cho ông số tiền gốc còn thiếu là 100.000.000 Đ và tính lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật từ ngày 01/5/2022 (dương lịch) đến nay đối với tổng số tiền gốc 100.000.000 Đ trên.

Đối với bị đơn ông TTL cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà HTT: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông L và bà T nhưng ông L và bà T không đến Tòa án và cũng không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến trình bày của mình, cũng như không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của ông V đối với ông, bà.

Theo ông V xác định: Từ khi vay tiền của ông cho đến nay, ông L có đóng tiền lãi cho ông được vài lần nhưng ông cũng không nhớ chính xác số tiền mà ông L đã

đóng lãi cho ông bao nhiêu tiền. Do ông L vay số tiền của ông về để làm ăn sinh kinh tế trong gia đình nên nay ông yêu cầu vợ chồng ông L và bà T cùng có nghĩa vụ trả cho ông số tiền trên.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NTN trình bày: Bà thống nhất với ý kiến trình bày của chồng bà là ông LTV nên bà không có ý kiến gì để bổ sung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội Đ xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà HTT chưa chấp hành đúng quy định tại các khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội Đ xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông LTV. Buộc ông TTL và bà HTT cùng có nghĩa vụ trả cho ông V và bà N tổng số tiền 100.000.000 Đ và lãi theo quy định.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội Đ xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Ông LTV có đơn khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp Đ vay tài sản đối với ông TTL. Ông TTL có địa chỉ cư trú tại huyện PL, tỉnh BL. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Đối với sự vắng mặt của ông TTL (K) và bà HTT (Đ) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng ông L và bà T vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội Đ xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông TTL và bà HTT.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của ông LTV, yêu cầu ông TTL (K) có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vay còn thiếu là 100.000.000 Đ và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/5/2022 (dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay thì Hội Đ xét xử nhận thấy: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, ông V cung cấp cho Tòa án 04 giấy biên nhận gốc của ông L đối với ông V cụ thể: Vào ngày 01/8/2021 (âm lịch), ông L hỏi vay của ông V số tiền là 50.000.000 Đ; Ngày 09/01/2022 (âm lịch), ông L hỏi vay của ông V số tiền

là 20.000.000 Đ; Ngày 06/02/2022 (âm lịch), ông L tiếp tục hỏi vay của ông V số tiền là 20.000.000 Đ và vào ngày 28/3/2022 (âm lịch), ông L tiếp tục hỏi vay của ông V số tiền là 10.000.000 Đ. Tại các giấy biên nhận thể hiện người nhận tiền có ký tên và ghi họ tên TTL.

[3] Mặt khác, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông TTL (K) và bà HTT (Đ). Nhưng ông L và bà T không đến Tòa án và không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến của mình, cũng như không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của ông LTV. Từ đó, cho thấy ông L và bà T đã thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với ông V nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội Đ xét xử công nhận đây là sự thật. Do đó, ông V yêu cầu ông L và bà T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông số tiền 100.000.000 Đ (Một trăm triệu Đ) và tiền lãi theo quy định của pháp luật là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội Đ xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của ông V về việc yêu cầu tính khoản tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật đối với tổng số tiền gốc 100.000.000 Đ kể từ ngày 01/5/2022 (dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay (18/9/2023). Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật dân sự quy định: *“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”*. Hội Đ xét xử xét thấy: Việc giao dịch vay tiền giữa hai bên có xảy ra trên thực tế. Do đó, việc ông V yêu cầu ông L trả tiền lãi của số tiền chậm trả trên là có căn cứ nên được chấp nhận. Khi hai bên thực hiện giao dịch vay tài sản với nhau tuy không có kỳ hạn nhưng có thỏa thuận về mức lãi suất và việc thỏa thuận này vượt cao hơn so với quy định của pháp luật cho nên khi phát sinh tranh chấp chỉ chấp nhận mức lãi suất là 20%/năm theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định. Từ đó, căn cứ vào các Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự, Hội Đ xét xử xem xét tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 01/5/2022 (dương lịch) cho đến ngày xét xử 18/9/2023 là được 01 năm 04 tháng 17 ngày $\times 1,66\% \times 100.000.000 \text{ Đ} = 27.611.000 \text{ Đ}$.

[5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội Đ xét xử có đủ cơ sở căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông LTV đối với ông L và bà T. Buộc ông TTL (K) và HTT (Đ) cùng có nghĩa vụ trả cho ông LTV và bà NTN tổng số tiền là 127.611.000 Đ (Trong đó số tiền gốc là 100.000.000 Đ và số tiền lãi là 27.611.000 Đ).

[6] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông LTV không phải chịu, ông V đã nộp số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 Đ ngày 09 tháng 6 năm 2023 theo biên lai thu số 0012740 được hoàn lại cho ông LTV tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL. Buộc ông TTL và bà HTT cùng có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 6.380.550 Đ (Sáu triệu ba trăm tám mươi nghìn năm trăm năm mươi Đ) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

[7] Từ những nhận định nêu trên, Hội Đ xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL về nội dung giải quyết vụ án.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 143, 147, 227, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông LTV đối với ông TTL (K) về việc tranh chấp hợp Đ vay tài sản.

2/. Buộc ông TTL (K) và bà HTT (Đ) cùng có nghĩa vụ trả cho ông LTV và bà NTN tổng số tiền là 127.611.000 Đ (Một trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm mười một nghìn Đ). Trong đó số tiền gốc là 100.000.000 Đ và số tiền lãi là 27.611.000 Đ.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất phát sinh tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

3/. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông LTV không phải chịu, ông V đã nộp số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 Đ ngày 09 tháng 6 năm 2023 theo biên lai thu số 0012740 được hoàn lại cho ông LTV tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL. Buộc ông TTL và bà HTT cùng có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 6.380.550 Đ (Sáu triệu ba trăm tám mươi nghìn năm trăm năm mươi Đ) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

4/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5/. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Danh Văn An